

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày: 21 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LAI CHÂU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Liên và ông Hằng A Vàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Phùng Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST – HS ngày 14/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Đức T** (tên gọi khác: Không có); Giới tính: Nam, sinh ngày 29/5/1991 tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Vũ Đức Th, sinh năm 1957 và Nguyễn Thị Y, sinh năm 1965; Vợ: Chèo Mí S, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Con: 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án theo Bản án số 63/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt Vũ Đức T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, phạt bổ sung 10.000.000 đồng, truy thu 4.000.000 đồng và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Ngày 23/5/2023 T chấp hành xong thời gian thử thách nhưng chưa chấp hành các quyết định khác của bản án. Tính đến thời điểm phạm tội T chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an T phố Lai Châu (Có mặt).

- Bị hại: Ông Đỗ Tiến T, sinh năm 1981; Nghề nghiệp: Lái xe.

Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Hằng A Ph, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, (vắng mặt).

+ Anh Hằng A Ch, sinh năm 1997; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu(vắng mặt).
 + Anh Lù A Nh, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu(vắng mặt).
 + Anh Hảng A C, sinh năm 1990 Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu(vắng mặt).
 + Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984 Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Khu 17, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
 + Chị Trần Thị T, sinh năm 1989; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Khu 17, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
 + Anh Sùng A H, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Bản S, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).
 + Anh Quách Mạnh Tr, sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Tổ 2, thôn Ái Mỗ, phường T, thị xã D, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).
 + Anh Hoàng Thế M, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH H
 Địa chỉ: Số 5, ngõ 108 Nghi Tàm, phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).
 + Anh Hồ Quang Tr1, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Khu Thống Nhất, thị trấn Tn, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).
 + Anh Trần Ngọc V, sinh năm 1996; Nghề nghiệp: Lao động tự do
 Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/11/2023, ông Đỗ Tiến T, sinh năm 1981, trú tại bản Cẩm Trung 2, xã Mường Than, huyện T, tỉnh Lai Châu và ông Hoàng Thế M, sinh năm 1974, trú tại thôn Yên Nhân, xã Tiến Phong, huyện Mê Linh, T phố Hà Nội, là Giám đốc Công ty TNHH H, địa chỉ: 287 Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, T phố Hà Nội đã thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê tài sản với nội dung: Ông Đỗ Tiến T cho Công ty TNHH H thuê 01 xe ô tô khách BKS: 25F - 001.09 do ông Đỗ Tiến T là chủ sở hữu với giá 15.000.000 đồng/01 tháng để phục vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định Mỹ Đình - Lai Châu. Tuy nhiên trên thực tế hai bên không thực hiện theo hợp đồng mà thỏa thuận chỉ ký hợp đồng để bảo đảm cho việc khai thác, hoạt động của xe khách đúng quy định còn ông Đỗ Tiến T phải tự chịu trách nhiệm về tài chính, hoạt động kinh doanh của xe, việc sử dụng lao động, chi phí sửa chữa, bảo trì, vướng mắc về pháp lý... không liên quan gì đến Công ty TNHH H, hàng tháng ông T phải trả cho Công ty TNHH H khoảng 6 đến 7,5 triệu đồng để chi trả các khoản phí liên quan đến hoạt

động của xe như tiền in vé, đóng phoi lệnh. Sau đó ông T đã đưa xe ô tô khách BKS: 25F - 001.09 vào hoạt động và toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh vận tải của xe ô tô khách BKS: 25F - 001.09, ông Mạnh không can thiệp vào hoạt động kinh doanh của ông T và chiếc xe ô tô nói trên.

Khoảng cuối tháng 12/2023, ông Đỗ Tiến T đã hợp đồng bằng miệng thuê Vũ Đức T, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Văn Khôi, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình làm phụ xe cho xe khách BKS: 25F - 001.09 chuyên tuyến Lai Châu - Mỹ Đình và phân công cho Vũ Đức T có nhiệm vụ: Thu tiền vé xe của khách, tiền gửi hàng theo xe khách và tiền thu hộ đối với hàng chuyển phát theo yêu cầu của khách; được chi tiêu ăn uống, ngủ nghỉ và các loại chi tiêu khác phục vụ hoạt động của xe nhưng sau đó phải báo lại cho ông Đỗ Tiến T; khoảng 15 giờ hàng ngày sau mỗi chuyến xe phải chốt các loại tiền và đưa lại cho Đỗ Tiến T hoặc anh Trần Ngọc Vũ, là cháu của ông Đỗ Tiến T. Trong thời gian làm thuê cho ông Đỗ Tiến T, sau khi thu tiền được tiền theo nhiệm vụ được phân công, Vũ Đức T đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối và 01 lần bỏ trốn để chiếm đoạt của ông Đỗ Tiến T, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Buổi chiều cùng ngày 20/01/2024, Lù A Nh cùng Hằng A Ch, sinh năm 1997, Hằng A Ph, sinh năm 1996, Hằng A C, sinh năm 1990, cùng tại Bản C, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu đem 10 chấu địa lan đến bến xe khách tỉnh Lai Châu gửi xe khách H BKS: 25F - 001.09 cho ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984, trú tại khu 17, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và nhờ nhà xe thu hộ 10.000.000 đồng. Khoảng 02 giờ sáng ngày 21/02/2024, Vũ Đức T đã giao số địa lan trên cho ông Doanh và thu của ông Doanh 12.000.000 đồng (*gồm 10.000.000 đồng tiền địa lan và 2.000.000 đồng tiền cược*). Đến bến xe Mỹ Đình, T phố Hà Nội, do ông Đỗ Tiến T không đi cùng nên Vũ Đức T đã bàn giao toàn bộ tiền vé thu được với tiền cược hàng cho anh Trần Ngọc Vũ nhưng không bàn giao số tiền 12.000.000 nói trên. Khoảng 17 giờ ngày 21/01/2024, Vũ Đức T nảy sinh ý định chiếm đoạt 12.000.000 đồng nói trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã gọi điện thoại cho anh Đỗ Tiến T nói dối là “*Thằng cu nhà em bị ốm, cho em xin nghỉ chuyến này để em về dưới nhà ở Thái Bình thăm con*” và được anh T đồng ý. Sau đó Vũ Đức T không về nhà mà cầm 12.000.000 đi trả nợ cho một người tên Hoàng (*không rõ nhân thân lai lịch*) hết 7.500.000 đồng, còn 4.500.000 đồng Vũ Đức T đã tiêu xài cá nhân hết. Đỗ Tiến T có liên lạc nhiều lần nhưng Vũ Đức T không trả lời. Đến trưa ngày 24/01/2024, ông Đỗ Tiến T gọi điện và nhắn tin cho Vũ Đức T bảo Vũ Tiến T lên tiếp tục làm việc để trả nợ dần nên Đỗ Tiến T tiếp tục làm phụ xe cho ông Đỗ Tiến T.

- Lần thứ hai: Chiều tối ngày 23/02/2024, Sùng A H, sinh năm 1996, trú tại bản Suối Thầu, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu đem 04 con gà đến Bến xe khách

tỉnh Lai Châu gửi xe khách BKS: 25F - 001.09 cho ông Quách Mạnh Tr, sinh năm 1991, trú tại thôn Ái Mỗ, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, T phố Hà Nội và nhờ nhà xe thu hộ 3.000.000 đồng. Khi xe đến khu vực gần ngã tư Sơn Tây, Hà Nội thì Vũ Đức T giao 04 con gà cho ông Trường, ông Trường đã chuyển khoản 3.100.000 đồng (*gồm 3.000.000 tiền thu hộ và 100.000 tiền cước*) vào tài khoản cá nhân của Vũ Đức T. Sau đó Vũ Đức T nảy sinh ý định chiếm đoạt 3.000.000 đồng nói trên để tiêu xài cá nhân nên khi chốt tiền vé xe khách, tiền cước gửi hàng để đưa cho ông Đỗ Tiến T thì Vũ Tiến T tự bỏ 100.000 đồng của cá nhân để tính tiền cước gửi 04 con gà, còn 3.000.000 đồng Vũ Đức T không báo cho ông Đỗ Tiến T biết mà tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ ba: Vào tối ngày 27/02/2024, sau khi xe khách H BKS: 25F - 001.09 xuất phát từ Bến xe khách tỉnh Lai Châu thì ông Đỗ Tiến T bảo Vũ Đức T là thu tiền vé xe của khách, tiền cước khách gửi hàng. Toàn bộ số tiền Vũ Đức T thu được trong chuyến xe đi ngày hôm 27/02/2024 là 9.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ ngày 28/02/2024, Vũ Đức T phải chốt các loại tiền trên để đưa cho ông Đỗ Tiến T thì có nhiều người đòi nợ nên Vũ Đức T nảy sinh ý định chiếm đoạt 9.000.000 đồng nói trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khi thấy ông Đỗ Tiến T đi về phía xe khách H BKS: 25F - 001.09 thì Vũ Đức T cầm theo 9.000.000 đồng bỏ trốn khỏi Bến xe khách Mỹ Đình rồi lấy 5.000.000 đồng trả nợ cho một người tên Long (*không rõ nhân thân lai lịch*) và tiêu xài cá nhân hết 4.000.000 đồng còn lại. Sau đó Vũ Đức T tiếp tục ở lại T phố Hà Nội khoảng hai hôm để trốn tránh Đỗ Tiến T rồi về nhà tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình khoảng 04 đến 05 ngày. Trong thời gian này, ông Đỗ Tiến T không biết nhà Vũ Đức T ở đâu nên nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho Vũ Đức T nhưng Vũ Đức T không nghe máy và nhắn tin lại. Vũ Đức T ở nhà đến ngày thứ 6 thì bắt xe khách lên tỉnh Lai Châu và làm phụ xe cho xe khách Việt Anh tuyến Lai Châu - Thái Bình. Đến chiều ngày 19/3/2024, ông Đỗ Tiến T gặp Vũ Đức T ở Bến xe khách tỉnh Lai Châu và đã làm đơn tố giác Vũ Đức T đến Cơ quan Công an. Sau đó Vũ Đức T bị bắt giữ theo quy định.

* Vật chứng thu giữ, tạm giữ: Không.

* Cáo trạng số 78/CT- VKSTP, ngày 14/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Vũ Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

* *Tại phiên tòa:*

- Bị hại ông Đỗ Tiến T trình bày phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: Bị hại ông Đỗ Tiến T là người thuê bị cáo làm phụ xe khách H BKS: 25F - 001.09 và bị cáo có nghĩa vụ thu tiền vé xe, cước vận chuyển hàng, thu tiền hàng hộ khách theo yêu cầu và giao nộp lại cho ông. Trong ba ngày 21/01/2024, ngày 24/02/2024 và ngày 28/02/2024, lợi dụng việc tín

nhiệm của ông mà bị cáo Vũ Đức T đã chiếm đoạt tiền của ông Đỗ Tiến T từ việc thu tiền vé xe khách, tiền cước gửi hàng của khách và tiền hàng khách nhờ thu hộ, cụ thể: Ngày 21/01/2024, bị cáo Vũ Đức T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 12.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T sau khi nhận được tiền từ việc thu hộ tiền khách gửi 10 chậu địa lan và tiền cước khách gửi 10 chậu địa lan. Ngày 23/02/2024, sau khi nhận hàng (gà) của khách gửi có nhờ thu hộ tiền gà, đến ngày 24/02/2024 T đã thu hộ tiền gà 3.000.000 đồng, nhưng sau đó T đã không đưa lại tiền cho ông mà tiêu xài cá nhân hết. Tiếp đến ngày 28/02/2024, bị cáo Vũ Đức T đã bỏ trốn để chiếm đoạt 9.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T sau khi nhận được tiền từ việc thu tiền vé xe và tiền cước gửi hàng của khách.

Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông là 24.000.000 đồng, trong đó ông trừ số tiền công của bị cáo T mà ông phải trả cho bị cáo là 1.500.000 đồng, ông yêu cầu bị cáo Vũ Đức T có trách nhiệm trả lại cho ông tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 22.500.000 đồng, ngoài ra ông không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Vũ Đức T khai nhận hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị Vũ Đức T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đức T mức án từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2024; Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại tổng số tiền là 22.500.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Tranh luận tại phiên tòa:* Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai đã khai báo tại cơ quan điều tra về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi cá nhân, bằng 01 lần thủ đoạn gian dối và 01 lần bỏ trốn, trong hai ngày 21/01/2024 và 28/02/2024, lợi dụng việc được ông Đỗ Tiến T tín nhiệm thuê làm phụ xe khách H BKS: 25F - 001.09, Vũ Đức T đã chiếm đoạt tổng số tiền 21.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T từ việc thu tiền vé xe khách, tiền cước gửi hàng của khách và tiền hàng khách nhờ thu hộ, mỗi lần chiếm đoạt đều trên 4.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 21/01/2024, bị cáo Vũ Đức T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 12.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T sau khi nhận được tiền từ việc thu hộ tiền khách gửi 10 chậu địa lan và tiền cước khách gửi 10 chậu địa lan.

Lần thứ hai: Ngày 28/02/2024, bị cáo Vũ Đức T đã bỏ trốn để chiếm đoạt 9.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T sau khi nhận được tiền từ việc thu tiền vé xe và tiền cước gửi hàng của khách.

Bị cáo Vũ Đức T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự;

Điều luật quy định:

“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc

nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thì thấy:

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục bị cáo trở T công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu;

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có ông ngoại Nguyễn Văn Vích được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, Huân chương chiến công giải phóng hạng ba trong kháng chiến chống Mỹ; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày 23/5/2022; bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm”. Bị cáo thực hiện 02 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt mỗi lần trên 4.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Đỗ Tiến T yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho bị hại số tiền 22.500.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 24.000.000 đồng gồm 03 lần vào các ngày: 21/01/2024 chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng, ngày 24/02/2024 chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng và ngày 28/02/2024 chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Đây là tài sản hợp pháp của bị hại mà bị cáo đã lợi dụng sự tín nhiệm, tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt. Trong đó, bị cáo và bị hại đều thống nhất nội dung trừ cho bị cáo số tiền công mà bị hại phải trả cho bị cáo 1.500.000 đồng. Vì vậy có căn cứ buộc bị cáo phải trả lại tài sản cho bị hại với tổng số tiền 22.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

[7] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Trong vụ án này:

Ngoài hai lần chiếm đoạt tài sản trên 4.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T thì ngày 24/02/2024 Vũ Đức T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 3.000.000 đồng của ông Đỗ Tiến T. Do số tiền Vũ Đức T Chiếm đoạt lần này dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về các tội quy định tại Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175, 175 và 290 Bộ luật Hình Sự nên Vũ Đức T không phải chịu trách nhiệm hình sự về lần chiếm đoạt này nhưng phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho ông Đỗ Tiến T.

Ngày 03/11/2023, ông Đỗ Tiến T và ông Hoàng Thế M - Giám đốc Công ty TNHH H đã thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê tài sản với nội dung: Ông Đỗ Tiến T cho Công ty TNHH H thuê 01 xe ô tô khách BKS: 25F - 001.09. Quá trình điều tra xác định hai bên không thực hiện theo hợp đồng mà thỏa thuận chỉ ký hợp đồng để bảo đảm cho việc khai thác vận tải, còn ông Đỗ Tiến T phải tự chịu trách nhiệm về tài chính, hoạt động kinh doanh của xe, việc sử dụng lao động, chi phí sửa chữa, bảo trì, vướng mắc về pháp lý ... không liên quan gì đến Công ty TNHH H. Do đó, việc Vũ Đức T chiếm đoạt tài sản không gây thiệt hại gì cho công ty TNHH H mà gây thiệt hại cho cá nhân ông Đỗ Tiến T nên Vũ Đức T không phạm tội “Tham ô tài sản”.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm ($22.500.000 \times 5\% = 1.125.000$ đồng) theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333

Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

[2] Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2024.

[3] Về trách nhiệm dân sự

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho bị hại ông Đỗ Tiến T tổng số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9, Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Cơ quan CSĐT- Công an thành phố L;
- Cơ quan THAHS - Công an thành phố L;
- Nhà tạm giữ - Công an thành phố L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Bích Nga